

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày 21/6/2018

“V/v Tranh chấp về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quýnh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Thanh Thủy và bà Mai Tường Vi.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Phụng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Bích Hồng – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 6 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 123/2018/TLST - HNGĐ ngày 17/4/2018 về việc: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2018/QĐST-HNGĐ ngày 13/6/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Ngô Bá D, sinh năm: xxxx; ĐKKHKT tại: Tổ B, khu B, phường C, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh – Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/4/2018, lời tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T đều trình bày: Chị và anh Ngô Bá D kết hôn vào năm 2012 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp tại Ủy ban nhân dân phường C, thành phố C, trước khi kết hôn có thời gian tìm hiểu nhau khoảng 02 năm. Sau khi kết hôn vợ chồng chị về sống tại tổ B, khu B, phường C, thành phố C. Cuộc sống chung của vợ chồng chị hầu như không có hạnh phúc, đến năm 2013 đã thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do anh D quan tâm đến gia đình, hai người

không có tiếng nói chung, không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, anh D có việc làm ổn định nhưng cũng không cùng chị phát triển kinh tế chung trong gia đình. Anh D còn bỏ mặc chị trong việc chăm sóc con chung, một mình chị phải lo toan, gánh vác mọi việc, chính vì vậy vợ chồng thường xuyên cãi nhau, xúc phạm lẫn nhau, chị cảm thấy mệt mỏi khi sống chung cùng anh D, không muốn gặp gỡ, nói chuyện với anh D, vợ chồng không còn tôn trọng nhau nữa. Từ năm 2015 chị đã muốn ly hôn với anh D nhưng vì thương con chung còn nhỏ nên đã nhẫn nhịn, bỏ qua, chị khuyên bảo nhiều lần mà anh D không tiếp thu, không thay đổi mà còn có lời lẽ xúc phạm, chửi mắng chị. Đến cuối năm 2015 chị quyết định sống ly thân với anh D, chị đưa con về nhà ngoại ở còn anh D vẫn ở cùng với bố mẹ chồng. Trong thời gian sống ly thân, anh chị có nói chuyện để tìm cách khắc phục mâu thuẫn, gia đình và khu phố cũng đã phân tích, hòa giải để vợ chồng chị hàn gắn nhưng vì không còn tình cảm dành cho nhau nên không đạt kết quả, sau này anh D còn tránh không gặp chị nên vợ chồng không khắc phục được mâu thuẫn. Cho đến nay mâu thuẫn vợ chồng chị đã rất trầm trọng, tình cảm dành cho anh D không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ngô Bá D.

+ Về con chung: Chị và anh Ngô Bá D có 01 con chung là: Ngô Phương A – Sinh ngày xx/xx/xxxx. Quan điểm của chị khi vợ chồng ly hôn vì con chung là con gái nên khi Tòa án giải quyết cho ly hôn chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Ngô Phương A cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Hiện nay chị là công nhân Công ty Hóa chất mỏ C, thu nhập bình quân là 4,5 triệu đồng/tháng. Tại đơn khởi kiện và tại bản tự khai chị có quan điểm chị nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con chung 3.000.000 đồng/tháng, nhưng đến nay chị thay đổi quan điểm không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con chung. Khi chị nuôi dưỡng con chung thì anh D được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung: Chị và anh D sau kết hôn sống chung với gia đình chồng, kinh tế khó khăn nên không mua sắm được tài sản gì chung; Công nợ chung: Không có.

* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập hợp lệ bị đơn –anh Ngô Bá D nhiều lần nhưng anh D cố tình vắng mặt nên không lấy được lời khai của anh D, anh D không có quan điểm về quan hệ hôn nhân, về con chung cũng như tái sản và công nợ chung.

Tại biên bản lấy lời khai của ông Ngô Bá S và bà Lê Thị L (bố mẹ đẻ của anh Ngô Bá D) ngày 09/5/2018, ông S và bà L cho biết: Sau khi kết hôn chị T và anh D về chung sống với cùng với ông bà tại tổ B, khu B, phường C, anh D và chị T chỉ

chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp nên thường xảy ra cãi vã, mỗi lần như thế chị T lại đưa con về nhà ngoại sinh sống mà không nói cho ông bà biết. Khi ông bà hòa giải thì chị T cho rằng ông bà can thiệp vào tình cảm của vợ chồng chị T và đổ lỗi cho ông bà, sự việc xảy ra nhiều lần khiến không khí gia đình luôn căng thẳng, mệt mỏi. Mặt khác chị T và anh D không nhường nhịn, tôn trọng nhau nên không bàn bạc để phát triển kinh tế gia đình khiến mâu thuẫn càng trầm trọng hơn. Chị T và anh D đã sống ly thân nhau 4 năm nay, từ khi sống ly thân chị T không quay lại gia đình nhà chồng, anh D cũng không còn tình cảm dành cho chị T. Hiện nay anh D thường xuyên đi làm không có mặt khi được Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, ông bà đã động viên anh D đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng anh D có quan điểm để Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Đến nay chị T xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị T vì thực tế tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh D cũng không còn. Về con chung: Chị T và anh D có một con chung là Ngô Phương A, sinh năm xxxx, khi ly hôn vì con chung còn nhỏ lại là con gái nên cần sự quan tâm của người mẹ, trong thời gian sống ly thân chị T nuôi con vẫn phát triển tốt nên ông bà đề nghị chị T được nuôi dưỡng cháu A. Về tài sản và công nợ chung giữa chị T và anh D không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C có ý kiến cho rằng Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự; Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố C nhận thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có cơ sở để chấp nhận, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn – anh Ngô Bá D đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do, sau khi ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã tổng đạt hợp lệ cho anh D nhưng anh D cố tình không tham gia tố tụng theo quy định và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn

tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

* Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và anh Ngô Bá D kết hôn với nhau vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Cẩm S, thành phố C là cuộc hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống với nhau chỉ hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị T trình bày là do anh chị không hợp nhau, anh D không có trách nhiệm với gia đình, anh chị không bàn bạc được việc gì đi đến thống nhất, một mình chị phải gánh vác công việc gia đình nên thấy mệt mỏi, chán nản. Chị T cũng đã nhờ hai bên gia đình, tổ dân khu phố đến hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không khắc phục được mà ngày càng trầm trọng hơn, từ cuối năm 2015 đến nay chị T và anh D đã sống ly thân, mỗi người ở một nơi, cả hai anh chị đều không tìm biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng. Bản thân anh D khi được triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng cũng không đến để tham gia tố tụng, chứng tỏ anh D cũng không thiện chí hoặc trách nhiệm trong việc giải quyết mâu thuẫn, không có biện pháp tích cực để vợ chồng đoàn tụ nên chị T xin ly hôn anh D là hoàn toàn có căn cứ. Mâu thuẫn của vợ chồng chị T và anh D cũng phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của anh chị tại nơi cư trú và phù hợp với lời khai của ông Ngô Bá S – bà Lê Thị L là bố mẹ đẻ của anh Ngô Bá D.

Căn cứ quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh D đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh D.

* Về con chung: Chị Trần Thị T và anh Ngô Bá D có 01 con chung là: Ngô Phương A – Sinh ngày xx/xx/xxxx. Xét thấy anh D không có quan điểm tại hồ sơ vụ án về việc con chung, hiện chị T có mức thu nhập ổn định có thể nuôi con mà không gặp khó khăn hoặc trở ngại gì. Căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết giao con chung là cháu Ngô Phương A cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (tròn 18 tuổi). Tại phiên tòa chị T không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét; Anh D được quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

* Về tài sản và công nợ chung: Không có.

[3] Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị T và anh Ngô Bá D.

2. Về con chung: Giao con chung Ngô Phương A – Sinh ngày xx/xx/xxxx cho chị Trần Thị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến tuổi thành niên (đến 18 tuổi). Anh Ngô Bá D không phải cấp dưỡng cho con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp ngày 13/4/2018 theo biên lai số: 0009965 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho biết: nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố C;
- Chi cục THADS thành phố C;
- UBND phường C;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA – VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Quỳnh

